

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH QUÝ 3 NĂM 2011

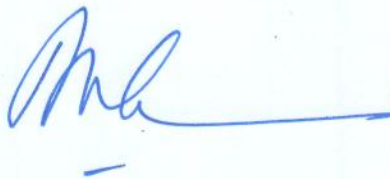
Chỉ tiêu	Mã số	T. minh	Quý 3		Lũy kế đến cuối quý Q3	
			Năm 2011	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	4 612 981 663	4 106 318 315	19 103 293 275	15 831 752 956
2. Các khoản giảm trừ	3					
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01- 03)	10		4 612 981 663	4 106 318 315	19 103 293 275	15 831 752 956
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	4 540 791 531	3 039 618 434	17 801 222 783	12 858 171 899
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20		72 190 132	1 066 699 881	1 302 070 492	2 973 581 057
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1 566 476	70 913 471	79 176 676	116 780 022
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	781 954 458		5 239 577 793	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		781 954 458		2 137 343 793	
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		523 574 233	767 864 815	2 225 109 670	2 148 221 350
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		- 1 231 772 083	369 748 537	- 6 083 440 295	942 139 729
11. Thu nhập khác	31					
12. Chi phí khác	32		10 904 314	14 674 929	110 703 664	15 524 928
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		- 10 904 314	- 14 674 929	- 110 703 664	- 15 524 928
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		- 1 242 676 397	355 073 608	- 6 194 143 959	926 614 801
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	VI.30	0	0		71 442 649
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51)	60		- 1 242 676 397	355 073 608	- 6 194 143 959	926 614 801

Người Lập Biểu
(Ký, họ tên)



Phạm Đức Đại

Kế Toán Trưởng
(Ký, họ tên)



Đoàn Tuấn Anh

Ngày 14 tháng 10 năm 2011
Giám Đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lâm Quốc Hải